

Tập 268

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm năm mươi sáu:

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh biến chiếu, thị lục phương Phật tán nghĩa.

(疏)稱理，則自性遍照，是六方佛讚義。

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh chiếu trọn khắp chính là ý nghĩa sáu phương Phật tán thán).

Chúng ta xem đại sư chú giải:

(Sao) Linh quang độc diệu, huýnh tuyệt trung biên, chân chiếu vô tư, hà phân bỉ thử? Cố đắc nhất đa vô ngại, chủ bạn giao thành. Vô ngại, tắc thiên sai tuy cách nhi phi thù. Giao thành, tắc vạn pháp bất kỳ nhi tự hội. Nhiên tắc lục phương bất ly u chỉ xích, chư Phật tất hiện u hào đoan, kim giả thử kinh, đương tại hà xứ?

(Diễn) Linh quang độc diệu nhị cú, linh quang đối vọng thức ngôn, vọng thức tức bát thức chi quang. Bát thức các duyên tự cảnh, cố bất ly trung biên dã. Linh quang tức chân tánh chi quang. Chân tánh tuyệt hồ đối đãi, cố huýnh tuyệt trung biên. Chân chiếu vô tư nhị cú, chân chiếu đối vọng chiếu ngôn. Vọng chiếu tức lục thức chi chiếu. Lục thức đối cảnh chi chiếu. Cố bất ly bỉ thử. Chân chiếu tức tự thể chi chiếu, tự thể bản vô năng sở, cố viết bất phân bỉ thử. Huýnh tuyệt trung biên, cố nhất Phật tức đa Phật, đa Phật tức nhất Phật, nhất đa vô hữu chướng ngại. Dĩ nhất đa tận vọng thức phân biệt, linh quang phi vọng thức cố. Hà phân bỉ thử? Cố Di Đà chủ tức chư Phật bạn, chư Phật bạn tức Di Đà chủ. Chủ bạn giao tương thành tự, dĩ chủ bạn giai vọng chiếu an lập, chân chiếu vô chủ bạn cố. Vô ngại, tắc thiên sai tuy cách nhi phi thù. Như đế võng thiên châu trùng trùng thiệp nhập cố. Giao thành, tắc vạn pháp bất kỳ nhi tự hội. Như vạn tượng sâm la bất ly thái hư không cố.

(鈔)靈光獨耀，迴絕中邊，真照無私，何分彼此，故得一多無礙，主伴交成。無礙，則千差雖隔而非殊；交成，則萬法不期而自會。然則六方不離於咫尺，諸佛悉現於毫端，今者此經，當在何處。

(演)靈光獨耀二句。靈光對妄識言。妄識即八識之光。八識各緣自境。故不離中邊也。靈光即真性之光。真性絕乎對待。故迴絕中邊。真照無私二句。真照對妄照言。妄照即六識之照。六識對境之照。故不離彼此。真照即自體之照。自體本無能所。故曰不分彼此。迴絕中邊故一佛即多佛。多佛即一佛。一多無有障礙。以一多盡妄識分別。靈光非妄識故。何分彼此故彌陀主即諸佛伴。諸佛伴即彌陀主。主伴交相成就。以主伴皆妄照安立。真照無主伴故。無礙。則千差雖隔而非殊。如帝網千珠重重涉入故。交成。則萬法不期而自會。如萬象森羅不離太虛空故。

(Sao: Linh quang riêng chiếu, dứt sạch chính giữa và hai bên, chân thật chiếu khắp, chẳng riêng tư, há phân chia đây đó? Vì thế, đạt được một và nhiều vô ngại, chủ và bạn thành tựu lẫn nhau. Do vô ngại cho nên [vạn pháp] sai khác ngàn phần, dấu cách biệt nhưng chẳng khác nhau. Do thành tựu lẫn nhau, cho nên muôn pháp chẳng hẹn mà tự hợp lại. Vì thế, sáu phương chẳng lìa gang tấc, chư Phật ắt hiện trong đầu sợi lông, vậy thì nay kinh này sẽ ở nơi đâu?)

Diễn: Đối với hai câu “linh quang độc diệu”, linh quang là do sự vọng thức mà nói. Vọng thức chính là quang minh của tám thức. Mỗi thức trong tám thức duyên với cảnh của riêng nó, cho nên chúng chẳng thể lìa khỏi chính giữa và hai bên. Linh quang là quang minh của chân tánh; chân tánh dứt bật đối đãi, nên dứt sạch chính giữa và hai bên. Đối với hai câu “chân chiếu vô tư” (chân thật chiếu khắp, chẳng riêng tư), chân chiếu là nói đối ứng với vọng chiếu. Vọng chiếu chính là tác dụng Chiếu của sáu thức. Sáu thức do đối ứng với cảnh mà phát khởi tác dụng Chiếu. Vì thế, nó chẳng thể lìa khỏi đây và kia. Chân chiếu là tác dụng Chiếu của tự thể. Tự thể vốn chẳng có Năng và Sở, cho nên chẳng phân chia đây và kia. Do tuyệt dứt chính giữa và hai bên nên một Phật chính là nhiều Phật, nhiều Phật chính là một Phật. Một và nhiều chẳng có chướng ngại; bởi lẽ, một và nhiều hoàn toàn là do vọng thức phân biệt. Linh quang chẳng phải là vọng thức, nên há có phân chia đây và kia? Do vậy, Di Đà là chủ chính là chư Phật là bạn, chư Phật là bạn chính là Di Đà là chủ. Chủ và bạn thành tựu lẫn nhau là vì chủ và bạn đều do vọng chiếu an lập. Chân chiếu chẳng có chủ và bạn! Vô ngại thì ngàn muôn sai khác tuy cách biệt nhưng chẳng khác nhau, giống như ngàn viên châu trong cái lưới của

Đế Thích trùng trùng xen nhập lẫn nhau. Do thành tựu lẫn nhau, nên muôn pháp chẳng hẹn mà tự lãnh hội, như sâm la vạn tượng chẳng lìa khỏi vũ trụ).

Trong đoạn này, Liên Trì đại sư dùng cách nói theo lối Thiên cơ của các vị đại đức trong Tông Môn để giải thích. Câu nào trong đoạn này cũng đều là những câu thoại đầu trong Tông môn. “*Linh quang*” là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh, do đối ứng với vọng thức mà nói [bằng danh xưng như thế]. Phạm phu mê mất tự tánh, trong thường nhật, chẳng phải là chân tâm khởi tác dụng, mà là vọng tâm. Trong Tướng Tông, vọng tâm được gọi là “tám thức”. Do mê mất tự tánh, tự tánh biến thành tám thức. Chư vị phải hiểu: Tám thức và chân tánh là cùng một chuyện, chẳng phải là hai chuyện. Khi ngộ bèn gọi là “tự tánh”, lúc mê bèn gọi là “tám thức”. Nói cách khác, chỉ có phân biệt giữa mê và ngộ, [nói theo] danh xưng thì là danh xưng mê hay ngộ, chứ tự thể của chân tánh chẳng có mê hay ngộ.

“*Huýnh tuyệt trung biên*” (Dứt bặt chính giữa và hai bên), “*huýnh*” (迴) là xa xôi, [“*huýnh tuyệt*” là] vượt xa khỏi chính giữa và hai bên. Chính giữa và hai bên là tương đối. Nói cách khác, trong Chân Như tự tánh, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, lấy đâu ra chính giữa và hai bên? Chính giữa và hai bên là do đối lập mà hình thành. Hiện thời, do chẳng có sự đối lập giữa hai bên, cho nên chính giữa và hai bên đều chẳng có. Nhiễm, tịnh cũng chẳng có, Phật và chúng sanh cũng chẳng có, [nói nhiễm, tịnh, Phật, chúng sanh] đều là nói theo phương diện đối lập. Lìa khỏi tương đối, chẳng thể thốt lên một câu nào được! Đó gọi là “*ngôn ngữ dứt bặt, tâm hành xư diệt*”. Phần chú giải [trong sách Diễn Nghĩa] có nói: “*Huýnh tuyệt trung biên, cố nhất Phật tức đa Phật, đa Phật tức nhất Phật*” (Do dứt tuyệt chính giữa và hai bên, nên một Phật chính là nhiều Phật, nhiều Phật chính là một Phật), chắc chắn là chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước.

“*Chân chiếu vô tư, hà phân bỉ thử*” (Chân thật chiếu soi chẳng riêng tư, há có phân chia đây, kia). Chân là nói đối ứng với Vọng. Chư Phật, Bồ Tát dùng chân tâm. Chân tâm là thanh tịnh, bình đẳng; do đó, chẳng có riêng tư. Phạm phu sử dụng vọng tâm, mê vọng! Vì sao gọi là mê? Trong tự tánh thanh tịnh, vốn chẳng có phân biệt, nếu kẻ ấy khởi lên một phân biệt, dấy lên một chấp trước, bèn mê. Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Tri kiến lập tri, thị vô minh bốn*” (Từ nơi tri kiến mà lập ra một cái biết, đó là cái gốc của vô minh). Vô minh liền dấy lên! Thứ ấy chẳng thật, giả trá, nhưng

kẻ bình phàm luôn ngỡ nó là thật. Phật dạy lẽ thật, họ coi là giả, chẳng tin tưởng, không thể tiếp nhận. Phàm phu phân chia đây, kia; còn người kiến tánh chẳng phân đây, kia. Nói cách khác, kẻ còn phân chia đây, kia thì vẫn chưa kiến tánh. Hễ còn có đây, kia, còn có đúng, sai, còn có ta, người, kẻ ấy là phàm phu thứ thiệt, chắc chắn chẳng phải là đã khai ngộ. Đã khai ngộ, sẽ tuyệt đối chẳng có hiện tượng này.

“*Thị cố đắc nhất đa vô ngại*” (Vì thế, được một, nhiều vô ngại). Ở đây, “một” là chỉ A Di Đà Phật, “nhiều” là chỉ mười phương hằng sa chư Phật. A Di Đà Phật là hằng sa chư Phật, hằng sa chư Phật là A Di Đà Phật, quyết định chẳng có phân biệt, chấp trước. Nơi Sự, có A Di Đà Phật hay không? Có! Có hằng sa chư Phật hay không? Cũng có! Nơi Sự tuy có, xét theo Lý, quyết định là một, cách nhìn như vậy là đúng! Xét theo Lý là viên dung, cho nên nơi Sự tuy có, chẳng cần phải chấp trước. Tuy có, cũng chẳng cần phải phân biệt. Đây là chỗ khác biệt trong cách nhìn và cách nghĩ đối với vũ trụ và nhân sinh của chư Phật, Bồ Tát so với chúng ta. Chúng ta có phân biệt, có chấp trước; các Ngài chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước.

“*Chủ bạn giao thành*” (Chủ và bạn thành tựu lẫn nhau), “*giao*” (交) là lẫn nhau. Coi A Di Đà Phật là chủ, tất cả hết thảy chư Phật đều là bạn. Giống như trong đại hội, A Di Đà Phật là chủ tịch, hết thảy các vị Phật khác đều ngồi ở dưới đài làm thính chúng. Bất cứ vị Phật nào cũng đều có thể làm chủ. Nếu Thích Ca Mâu Ni Phật làm chủ, A Di Đà Phật cũng ngồi ở phía dưới; chủ bạn dung thông lẫn nhau. Quán Thế Âm Bồ Tát làm chủ, A Di Đà Phật cũng ngồi ở phía dưới. “*Giao thành*” (交成): Thành tựu lẫn nhau. Hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới, bất cứ ai cũng đều có thể làm chủ. Phật pháp nói: “*Một tức là nhiều, nhiều tức là một*”, vạn pháp quy nhất. Cái Nhất ấy là bất cứ một điều nào, chẳng phải là chuyên nhất, chẳng phải là duy nhất, mà là bất cứ cái nhất nào, pháp ấy mới là viên dung. Ví như một quả cầu, bất cứ điểm nào trên mặt cầu cũng đều có thể làm điểm trung tâm. Vì thế, nó mới là viên mãn.

“*Vô ngại, tắc thiên sai tuy cách nhi phi thù*” (Do vô ngại nên ngàn phần sai khác, tuy cách biệt nhưng chẳng khác nhau), y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới tuy thiên sai vạn biệt, thể tánh của chúng là một. Chúng ta đọc kinh thấy nói: “*Mười phương tam thế Phật, cùng chung một Pháp Thân*”. Hết thảy chư Phật cùng chung một Pháp Thân, hết thảy chúng sanh và chư Phật có phải là cùng một Pháp Thân hay không? Cũng vậy! Không chỉ là hết thảy hữu tình chúng sanh và chư Phật có cùng một Pháp Thân, mà vô tình cũng giống vậy. Kinh Hoa Nghiêm

nói: “*Tình và vô tình, cùng viên thành Chủng Trí*”. Tất cả hết thủy động vật, thực vật, khoáng vật, hiện tượng trong đại tự nhiên, hư không, thế giới đều do tự tánh biến hiện, tự tánh là năng biến (cái có thể biến), hết thủy vạn vật là sở biến (cái được biến). Năng Biến là một. Tuy Sở Biến muôn vàn sai khác, trên thực tế đều là như nhau, đều do tự tánh biến. Là khỏi tự tánh, chẳng có một pháp để có thể được.

Trong kinh, đức Phật thường nói: Hết thủy các pháp là bình đẳng, vạn pháp bình đẳng, vạn pháp đều Như, chẳng có một pháp nào không Như! Như gì vậy? Như Tánh của nó, như Thể của nó, Thể là một. Vạn pháp đều Như, tức là vạn pháp đều bình đẳng. “*Giao thành, tắc vạn pháp bất kỳ nhi tự hội*” (Do thành tựu lẫn nhau, nên muôn pháp chẳng hẹn mà tự thấu hiểu). “*Kỳ*” (期) là dự kỳ (預期: dự tính kỳ hạn để đạt được điều gì đó), tức là có kế hoạch. “*Bất kỳ*” là tự nhiên, có ý nghĩa giống như cách nói “*sanh thái tự nhiên*” của người hiện thời. Hiện thời, sanh thái tự nhiên trên địa cầu bị con người phá hoại, địa cầu phát sanh trục trặc nghiêm trọng, thiên tai xảy ra dồn dập, sanh thái bất ổn định, cân bằng, gây ảnh hưởng khiến khí hậu bất bình thường. Cổ nhân hiểu đạo lý này, họ tỉ mỉ quan sát thiên nhiên, hết thủy đều tùy thuận, tìm được nghĩa lý thật sự trong ấy, họ có thể lãnh hội. Đó là ý nghĩa “*bất kỳ tự hội*” (tự nhiên lãnh hội). Chúng ta nói một địa cầu thì [phạm vi] thảo luận nhỏ nhoi; nếu nói rộng hơn, [sẽ là] vô lượng tinh cầu đang vận hành trong vũ trụ. “*Bất kỳ nhi tự hội*”: Mỗi tinh cầu có quỹ đạo của chính mình, nó sẽ chẳng rối loạn, rất có trật tự. Có những kẻ thấy hiện tượng ấy, cảm thấy rất chẳng thể nghĩ bàn, [chấp trước là] nhất định phải có một người đang thiết kế, có một người đang chi phối, bèn gọi người ấy là Thượng Đế. Vì thế, Thượng Đế này sanh tử tướng tượng như vậy, [nhân loại cứ ngỡ] ông ta là chúa tể của vũ trụ. Thật ra, chẳng phải vậy! Đây chính là quy tắc tự nhiên trong vũ trụ, “*vạn pháp bất kỳ nhi tự hội*” (muôn pháp tự nhiên chẳng hẹn mà tự lãnh hội), chúng thành tựu lẫn nhau!

Biết đạo lý này, biết hiện tượng này, mới biết “*lục phương bất ly u chỉ xích*” (sáu phương chẳng lìa gang tấc), gang tấc rất ngắn, khoảng cách rất ngắn. Không gian thuộc sáu phương quá to! Mấy câu này có nghĩa là “*chẳng có xa gần, xa gần đồng thời đạt đến*”. Ví như giảng đường này, ban đêm tối tăm, chúng ta thắp ở đây một ngọn đèn. Đèn thắp lên, bên này gần, bên kia xa, ánh sáng đồng thời soi tới. Chúng tôi nêu một thí dụ rất nông cạn, rõ rệt như vậy, có thể tỷ dụ khít khao thích đáng hay chẳng? Chẳng sánh ví được! Chỉ có thể sánh ví phảng phất, vì sao? Ánh sáng vẫn là có tốc độ, tốc độ nhanh chóng một tí [so với tốc độ của những vật thể

khác]. Nói thật ra, tự tánh chẳng có tốc độ, đúng là chẳng có xa hay gần. Thật sự là xa hay gần đều đồng thời chiếu tới. Công đức trong tự tánh chẳng thể nghĩ bàn!

“Chư Phật tất hiện ư hào đoan” (Chư Phật ắt hiện trong đầu sợi lông), “hào đoan” (毫端) là chót đầu của sợi lông. Đó là nói đến sự gần gũi. Mười phương chư Phật cách nơi này của chúng ta không chỉ là mười vạn ức cõi Phật, thế mà đều ở trong đầu sợi lông. Đầu một sợi lông chẳng phình to, các thế giới của mười phương chư Phật (tức pháp giới) chẳng thu nhỏ. Vì sao thế giới to đùng có thể bỏ vào đầu sợi lông bé tẹo? Đó là vì tự tánh chẳng có lớn hay nhỏ. Nay chúng ta chẳng thể tiếp nhận chuyện này, chấp trước trong ấy có một lớn, một nhỏ, lớn làm sao có thể vào trong nhỏ cho được? Chẳng thể nào! Chúng ta có chấp trước như thế, có chướng ngại như thế. Vì vậy, vĩnh viễn chẳng quan sát thấy chân tướng sự thật. Bồ Tát đã hiểu, Bồ Tát đã vĩnh viễn lìa khỏi phân biệt, chấp trước. “Huýnh tuyệt trung biên, linh quang độc diệu” (Dứt bật chính giữa và hai bên, linh quang riêng chiếu). Các Ngài đã chiếu kiến, đức Phật nói chẳng sai tí nào! Đây hoàn toàn là cảnh giới Sự Sự vô ngại được nói trong kinh Hoa Nghiêm: Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại! Trong cảnh giới ấy, Liên Trì đại sư bèn nêu ra một câu đề nói:

(Sao) Kim giả thử kinh, đương tại hà xứ?

(Diễn) Kim giả thử kinh đương tại hà xứ giả, lục phương vi năng tán, thử kinh vi sở tán. Năng tán chi Phật, bất ly chỉ xích hào đoan. Sở tán chi kinh, đương tại hà xứ? Di! Bất ly đương xứ thường trạm nhiên, mịch tức tri quân bất khả kiến dã!

(鈔)今者此經，當在何處。

(演)今者此經當在何處者。六方為能贊。此經為所贊。能贊之佛。不離咫尺毫端。所贊之經。當在何處。咦。不離當處常湛然。覓即知君不可見也。

(Sao: Vậy thì nay bộ kinh này sẽ ở chỗ nào?

Diễn: “Nay thì bộ kinh này sẽ ở chỗ nào”: Sáu phương [chư Phật] là Năng Tán (người tán thán), kinh này là Sở Tán (đối tượng được tán thán). Chư Phật là người tán thán chẳng lìa gang tấc, mảy lông. Kinh được tán thán sẽ ở chỗ nào? Ôi! Chẳng lìa chỗ này mà thường trong lặng, hề tìm sẽ biết là ông chẳng thể thấy được).

Phật Thuyết A Di Đà Kinh ở chỗ nào? Tiếp đó, Ngài chẳng trả lời, để cho mọi người tự tham cứu. Đây là hoàn toàn dùng giọng điệu của Thiên Tông để thuyết pháp.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Ý nhữ ý vân hà? Hà cố danh vi Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh?

(經)舍利弗。於汝意云何。何故名為一切諸佛所護念經。

(Kinh: Này Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Do vì lẽ nào mà có tên là kinh được hết thầy chư Phật hộ niệm?)

Trong Khoa Phán, đại sư đặt tựa đề cho phần này là Thích Kinh Ứng Tán (釋經應讚), [nghĩa là] giải thích [nguyên do vì sao] phải nên tán thán bộ kinh này. Vì nó xác thực là kinh bậc nhất, là pháp môn bậc nhất để hết thầy chư Phật Như Lai độ chúng sanh, thành Phật đạo; do đó, phải nên tán thán. Đức Phật gọi Xá Lợi Phất, hỏi: Ý ông nghĩ ra sao? Vì sao bộ kinh này được gọi là kinh được hết thầy chư Phật hộ niệm? Ngài Xá Lợi Phất cũng chẳng đáp nổi, vẫn là đức Phật tự mình giải thích.

(Sớ) Danh tất hữu nghĩa, chương xiển kỳ nghĩa, phương khắc phụng hành, vô sở nghi cố.

(疏)名必有義，彰闡其義，方克奉行，無所疑故。

(Sớ: Danh tất có nghĩa, nêu bày rõ ràng nghĩa ấy thì mới có thể quyết ý phụng hành, chẳng nghi ngờ).

“Danh” (名) là tựa đề của kinh, tức tên kinh. Tên thì nhất định có ý nghĩa. “Chương xiển kỳ nghĩa” [nghĩa là] ý nghĩa đó phải rất rõ ràng, rất rõ rệt thì chúng ta mới có thể nhìn vào danh nghĩa đến nghĩa, tin nhận phụng hành, chúng ta mới có thể làm được. Chư vị phải hiểu: Kinh Phật coi trọng thực hành, chú trọng tu hành. Thanh Lương đại sư phán định kinh Hoa Nghiêm có bốn phần là Tín, Giải, Hành, Chứng. Chẳng có đủ bốn phần ấy, chúng ta sẽ chẳng thể đạt được lợi ích chân thật từ bộ kinh ấy. Nhập môn từ Tín: “Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu” (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức). Tín là cội nguồn để nhập đạo, vô lượng vô biên công đức đều sanh từ Tín. “Công đức mẫu” là có thể sanh ra hết thầy công đức. Vì thế, từ Tín mà tiến nhập. Đã tin rồi bèn có thể hiểu. Nếu chẳng hiểu,

chỉ tin tưởng, lòng tin ấy là cảm tình, chúng ta thường nói là “*mê tín*”, miễn cưỡng tin tưởng.

Trong pháp môn Tịnh Độ, chẳng hiểu ý nghĩa, chuyên tín, chuyên nguyện, chuyên niệm, vẫn có thể vãng sanh! Nhưng chư vị phải hiểu: [Người như vậy chỉ có thể] sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, chẳng thể sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm phải là khai ngộ thì mới được. Nếu Lý và Sự đều thông đạt, đều hiểu rõ mà niệm Phật, phẩm vị vãng sanh bèn cao, đạo lý là như vậy đó. Vì thế, Giải rất quan trọng! Sau khi đã Giải (hiểu) thì phải hành. Hành là những gì quý vị đã tin, đã hiểu thấy đều làm được. Trong cuộc sống hằng ngày, quý vị chẳng thực hiện được [những điều đã tin và hiểu ấy], vô dụng! Những thứ tín giải ấy chẳng phải là của chính quý vị, nhất định là phải làm được! Tín, Giải, Hành dung hợp thành một thì gọi là Chứng. Chứng chẳng có chi khác, Tín được chứng thực bởi Hành và Giải, Hành được chứng thực bởi Tín và Giải. Chứng thực lẫn nhau, chứng minh chẳng sai tí nào, đó gọi là Chứng, sẽ đạt được sự thọ dụng chân thật. Vì thế, kinh Phật chẳng giống sách vở thế gian; kinh Phật chẳng phải là huyền đàm (đàm luận những chuyện huyền hoặc), mà là hoàn toàn nói lên chân tướng sự thật, đều nói đến Thật Tế. Do vậy, Hành hết sức trọng yếu, hãy y giáo tu hành.

(Sao) Đề thập lục tự, dẫn trung hạ chi bát tự giả.

(鈔)題十六字，但徵下之八字者。

(Sao: Tựa đề kinh gồm mười sáu chữ, nhưng chỉ gạn hỏi tám chữ sau).

[Tựa đề kinh gồm] mười sáu chữ, tám chữ trước là Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức bị tình lược, đức Phật chỉ nói tám chữ sau đó: Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

(Sao) Dĩ bất khả tư nghị, Thích Ca sở tán, kỳ nghĩa dĩ minh.

(鈔)以不可思議，釋迦所讚，其義已明。

(Sao: Do “chẳng thể nghĩ bàn” là do Phật Thích Ca khen ngợi, nghĩa ấy đã rõ ràng).

Giải thích vì sao ở đây đức Phật chỉ nói nửa sau của tựa đề kinh, chẳng nói tới nửa trước: Ý nghĩa của nửa trước đã được nói minh bạch trong những phần trước.

(Sao) Tha phương Phật tán, tăng thứ bát tự, cổ trung kỳ nghĩa.

(鈔)他方佛讚，增此八字，故徵其義。

(Sao: Chư Phật ở phương khác tán thán, tăng thêm tám chữ ấy, nên gạn hỏi nghĩa đó).

“Trung” là trung vấn (徵問: cật vấn, gạn hỏi). Vì kinh này được mười phương hết thấy chư Phật đều tán thán, cho nên ở đây, đức Phật đặc biệt nhắc nhở tôn giả Xá Lợi Phất, nhằm ý nghĩa nêu lên: Vì sao bộ kinh này được hết thấy chư Phật đều tán thán? Có thể thấy là câu này rất quan trọng.

(Sao) Vân hà Phật hộ, vân hà Phật niệm?

(鈔)云何佛護，云何佛念。

(Sao: Phật hộ trì là như thế nào? Phật niệm là như thế nào?)

Vì sao chư Phật hộ trì? Vì sao chư Phật hộ niệm? Người hiện thời cũng nói “niệm” là “hệ niệm” (繫念: luôn nghĩ tới, luôn bận tâm). Niệm nào đức Phật cũng đặt chuyện này trong tâm, những chuyện khác Phật chẳng màng tới, chỉ riêng chuyện này được giữ trong tâm. Chuyện này tuyệt đối chẳng phải là chuyện bình phàm! Chuyện gì vậy? Bốn nguyện của đức Phật, bốn nguyện của hết thấy chư Phật đều là “độ chúng sanh thành Phật đạo”. Nguyện thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện là “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, phương pháp cụ thể để độ thoát chúng sanh ở ngay trong bộ kinh này. Đức Phật muốn độ hết thấy chúng sanh thành Phật đạo; do vậy, trong tâm đức Phật thường hệ niệm bộ kinh này. Do thường nghĩ tới bèn thường nói, thường tuyên dương, thường khuyên kẻ khác niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật. Đạo lý là như vậy đó.

(Sao) Dĩ tiền, giáo đương tín thị kinh.

(鈔)以前教當信是經。

(Sao: Trong các phần trước, dạy hãy nên tin kinh này).

Trong các phần kinh văn trước đó, đức Phật dạy chúng ta hãy nên tin tưởng bộ kinh này.

(Sao) Kim vị nghĩa minh, nhiên hậu tín cố dã.

(鈔)今謂義明，然後信固也。

(Sao: Nay nói: Ý nghĩa đã rõ ràng, sau đây sẽ tin tưởng vững chắc).

Hiện thời nói đến chỗ này, ý nghĩa càng nói càng rõ ràng, càng nói càng minh bạch. Tín tâm của quý vị đương nhiên càng ngày càng kiên cố. Đức Phật nói lời này, trong ấy bao hàm ý nghĩa sâu xa như vậy đó. Ngài Xá Lợi Phất chẳng đáp được, ý nghĩa quá sâu, vẫn là Thích Ca Mâu Ni Phật tự mình giải thích.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thị kinh, thọ trì giả, cập văn chư Phật danh giả.

(經)舍利弗。若有善男子善女人。聞是經受持者。及聞諸佛名者。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe kinh này, thọ trì, và nghe danh hiệu chư Phật).

Trong phần giải thích, kinh văn được chia thành ba đoạn¹, đây là đoạn thứ nhất, nói đến sự nghe kinh và trì kinh.

(Sớ) Văn thị kinh giả, điệp thượng y chánh tín nguyện, trì danh vãng sanh đẳng.

(疏)聞是經者，牒上依正信願。持名往生等。

(Sớ: “Nghe kinh này”: Nhắc lại y báo, chánh báo, tín, nguyện, trì danh vãng sanh v.v... trong các phần trên).

“Văn” (聞) là nghe giảng. Đối với y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới đã được nói trong các phần trước, tổ sư đã phán định bộ kinh này thành ba đoạn lớn là Tín, Nguyện, Hạnh. Ba điều ấy được gọi “ba tư lương Tịnh Độ”. Tín và Nguyện đã nói viên mãn, trì danh vãng sanh là Hạnh. Tín, Nguyện, Hạnh đều đã nói xong!

(Sớ) Văn thọ trì.

(疏)聞受持。

(Sớ: Nghe rồi thọ trì).

¹ Trong nguyên văn của bộ Sớ Sao, tổ Liên Trì chia phần này thành ba tiểu đoạn: Văn Trì (nghe và thọ trì), Lợi Ích và Khuyến Tín (khuyên tin tưởng).

Sau khi nghe xong, tin tưởng, lý giải, hiểu rõ. Sau khi đã hiểu rõ, có thể tiếp nhận hay không? Có thể gìn giữ hay chẳng? “Thọ” (受) là gì? Sau khi nghe xong, ta thật sự mong đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thật sự muốn thấy A Di Đà Phật. Đó là Thọ, thật sự muốn vãng sanh. Đây là phát nguyện cầu sanh. Tâm mong muốn đến đó, tâm mong thấy A Di Đà Phật hết sức khẩn thiết, đó là Thọ. Hiện thời, người niệm Phật tại Đài Loan có nhân duyên thù thắng, có nhiều người giảng kinh, giảng rất rõ ràng, rất minh bạch. Đó là nhân duyên, nhân duyên trọn đủ. Mọi người nghe xong, nghe rất thông hiểu, cũng tin tưởng, cũng phát nguyện, cũng niệm Phật, nhưng vẫn chẳng thể vãng sanh, nguyên nhân rốt cuộc là ở chỗ nào? Ở ngay chỗ ý niệm vãng sanh của chúng ta chẳng tha thiết. Vừa mong vãng sanh, nhưng danh lợi ở nơi đây lại không buông xuống được! Phiền phức ở chỗ này! Những người vãng sanh khác hẳn chúng ta, họ chỉ có một nguyện vọng là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, [đối với tất cả những gì] thuộc thế giới này thấy đều buông xuống, chẳng thêm nhiệm mảy may nào. Vì thế, họ ra đi rất thuận lợi. Tuy chúng ta rất mong muốn, hằng ngày niệm Phật hồi hướng “*nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung*”, thứ gì cũng đều chẳng nỗ bỏ! Đó là cái gốc bệnh, [khiến cho] chúng ta chẳng có cách nào đi được, sai lầm ở chỗ này. Sai lầm chẳng phải là một lần này, trong quá khứ đã sai lầm như vậy chẳng biết bao nhiêu lượt? Lần này vẫn phạm khuyết điểm ấy thì đời này lại tích lũy một chút thiện căn, chẳng thể thành tựu trong một đời này. Đối với kinh điển này, vì sao phải giới thiệu lý luận và chân tướng sự thật của Tây Phương Cực Lạc thế giới rõ ràng, minh bạch ngàn ấy? Nhằm khiến cho quý vị dấy lên cái tâm chân thật hướng về, sau đấy mới có thể buông trần duyên trong thế giới này xuống được. Đạo lý ở chỗ này! Chẳng được có mảy may thêm nhiệm nào!

Ở đây, các đồng tu chớ nên hiểu lầm. Chẳng phải là dạy quý vị hết thấy đều buông xuống thì ngày mai quý vị cũng chẳng đi làm, chuyện trong nhà cũng chẳng làm nữa, chỉ niệm Phật mà thôi. [Làm kiểu đó] sẽ trở thành đứa con ngây ngốc của đức Phật, đứa con ngây ngốc của Phật sẽ chẳng thể vãng sanh đâu nhé! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là Bất Thoái Bò Tát, chẳng có kẻ nào đầu óc ngây ngô! “*Buông xuống*” là dạy chúng ta trong tâm hãy buông xuống, chẳng phải là buông xuống nơi Sự. Trong tâm khởi tâm động niệm là chướng ngại, chứ nơi Sự chẳng có chướng ngại. “*Một tức là nhiều, nhiều tức là một*”, Sự há có chướng ngại? Vô ngại, thành tựu lẫn nhau. Một và nhiều vô ngại! Sự chẳng có chướng ngại, Lý cũng chẳng có chướng ngại. Lý Sự và Sự Sự thấy đều

chẳng có chướng ngại. Ý niệm phân biệt, chấp trước, ưu lự, vướng mắc, những thứ ấy là chướng ngại, trong tâm chúng ta quyết định chẳng có những thứ ấy. Trong tâm chỉ có một vị A Di Đà Phật, trong tâm chỉ có bộ kinh A Di Đà này. Kinh Vô Lượng Thọ là Đại Bản A Di Đà Kinh, Đại Bản và Tiểu Bản hoàn toàn như nhau. Trong tâm chúng ta chỉ cần một bộ kinh, chỉ cần một vị Phật, những thứ khác đều buông xuống, chẳng còn phân biệt, chấp trước nữa, tâm của quý vị bèn thanh tịnh. Tâm tịnh, ắt cõi tịnh; đó là điều kiện ắt phải trọn đủ để vãng sanh. Tham luyến thế gian này thì không được! Phạm những gì khiến cho quý vị dấy lên tâm tham, đó là ma cảnh. Ma chẳng mong quý vị thành Phật, chẳng mong quý vị lìa khỏi lục đạo luân hồi. Ma tới nhiều loạn, ngăn trở con người, không cho quý vị đến thế giới Cực Lạc. Phạm những gì khiến cho quý vị khởi tâm động niệm, hoàn toàn thuộc về ma chướng. “Thọ” là chúng ta thật sự tiếp nhận. “Trì” là gìn giữ chẳng để mất đi. Nay đã tiếp nhận, sau khi đã tiếp nhận, nhất định phải trọn đời gìn giữ, trọn hết sanh mạng trong một đời này, chúng ta sống một ngày liền gìn giữ một ngày, quyết định chớ nên để mất đi. Đó gọi là Thọ Trì.

(Sớ) Túc tiền Tam Huệ, Tam Tư Lương cố.

(疏)即前三慧三資糧故。

(Sớ: Túc là Tam Huệ, Tam Tư Lương trong phần trước).

Văn, Tư, Tu là Tam Huệ, Tam Tư Lương được nói trong phần trước.

(Sao) Văn tức Văn Huệ, Thọ tức Tư Huệ, Trì tức Tu Huệ.

(鈔)聞即聞慧，受即思慧，持即修慧。

(Sao: Văn là Văn Huệ, Thọ là Tư Huệ, Trì là Tu Huệ).

Văn, Tư, Tu là cương lĩnh tu hành của Đại Thừa Bồ Tát. Cương lĩnh tu hành của hàng Tiểu Thừa là Tam Học Giới, Định, Huệ.

(Sao) Văn tức Tín nghĩa, Tư tức Nguyện nghĩa, Trì tức Hạnh nghĩa.

(鈔)聞即信義，思即願義，持即行義。

(Sao: Văn có nghĩa là Tín, Tư nghĩa là Nguyện, Trì nghĩa là Hạnh).

Văn là Tín, Thọ là Nguyện, Trì là Hạnh. Tín, Nguyện, Hạnh là ba điều kiện để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, được gọi là ba tu lương. Tu lương (資糧) là tử dụ. Trước kia, ra ngoài đi xa thì phải mang theo lương khô, chi phí đi lại, nên [những gì cần phải có để thành tựu bất cứ một sự việc gì đều] gọi là “*tu lương*”. Đây là tử dụ chúng ta tu hành từ Sa Bà thế giới đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải mang theo chi phí đi đường như thế nào? Tín, Nguyện, Hạnh, ba điều này giống như tu lương vậy!

(Sớ) Văn chư Phật danh, điệp thượng lục phương chư Phật danh dã. Văn kinh thọ trì, văn Phật danh giả, điệp ưng thọ trì cố.

(疏)聞諸佛名，牒上六方諸佛名也。聞經受持，聞佛名者，亦應受持故。

(Sớ: Nghe danh hiệu chư Phật: Nhắc lại danh hiệu của sáu phương Phật trong phần trên. Nghe kinh thọ trì, nghe danh hiệu Phật cũng nên thọ trì).

Đại sư giả lập một cuộc vân đáp:

(Sao) Vấn: Thử kinh văn A Di Đà Phật danh hiệu vi vãng sanh nhân, hà kiêm chư Phật?

(鈔)問：此經聞阿彌陀佛名號為往生因，何兼諸佛。

(Sao: Hỏi: Kinh này lấy nghe danh hiệu A Di Đà Phật làm cái nhân vãng sanh, sao lại kèm thêm chư Phật?)

[Chánh kinh dạy] “*cập văn chư Phật danh giả*” (và nghe danh hiệu chư Phật): Ngẫu Ích đại sư giải thích “*chư Phật*” là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là chư Phật. Liên Trì đại sư giải thích: Chư Phật chỉ sáu phương chư Phật được nói trong phần trước. Cách nói của hai vị đều chẳng sai. Liên Trì đại sư nói theo Sự, Ngẫu Ích đại sư nói theo Lý. Theo Lý thì “*một chính là nhiều, nhiều chính là một*”, [do vậy] chư Phật là A Di Đà Phật.

(Sao) Đáp: Di Đà công đức, vị hằng sa chư Phật chi sở cộng tán, tắc văn chư Phật danh, tri chư Phật tán, tín thọ thử kinh, bội phục thân thiết, cố song cử dã.

(鈔)答：彌陀功德，為恆沙諸佛之所共讚，則聞諸佛名，知諸佛讚，信受此經，倍復親切，故雙舉也。

(*Sao: Đáp: Công đức Di Đà được hằng sa chư Phật cùng xưng tán, cho nên nghe danh hiệu chư Phật, biết chư Phật tán thán, tin nhận kinh này càng thêm thân thiết gấp bội, cho nên nêu ra song song*).

Ý nghĩa này của Liên Trì đại sư cũng rất hay. Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương, giới thiệu vô lượng công đức của đấng Tây Phương giáo chủ A Di Đà Phật, tức là một vị Phật nói. Chúng ta kính ngưỡng, hâm mộ Thích Ca Mâu Ni Phật vô hạn, tôn kính đức Phật chẳng còn gì hơn được nữa. Đức Thế Tôn đã giới thiệu, đương nhiên là chúng ta hoan hỷ tiếp nhận, nay lại thấy trong kinh đức Phật cho biết: Không chỉ là một mình lão nhân gia giới thiệu như vậy, mà mười phương hết thầy chư Phật đều khác miệng cùng tiếng đề cao, giới thiệu như vậy, khiến cho tín tâm của chúng ta càng thêm tăng trưởng, có ý nghĩa này. Biết bộ kinh điển này chẳng phải là do một vị Phật nói, mà là hết thầy chư Phật đều nói ba kinh Tịnh Độ, chẳng có vị Phật nào chẳng dùng pháp môn này để khuyên dạy người học. Trừ phi kẻ ấy chẳng chịu tiếp nhận, nếu người ấy có thể tiếp nhận tức là duyên Tịnh Độ đã chín muồi. Duyên đã chín muồi, đức Phật nhất định dùng pháp môn này để tiếp dẫn, giúp họ ngay trong một đời vãng sanh, bất thoái thành Phật. Nếu họ không thể tiếp nhận, lại dùng pháp môn khác, tức là [sử dụng các pháp môn] kém hơn, hoặc kém hơn một bậc nữa. Pháp này là trực tiếp thành Phật, thành Phật viên mãn trong một đời, cho nên gọi là “pháp môn bậc nhất”. Do vậy có thể biết: Trong một đời này, chúng ta có duyên phận gặp gỡ pháp môn này, có duyên phận nghe pháp môn này, quyết định chẳng phải là chuyện nhỏ nhặt, kinh Pháp Hoa bảo là “*đại sự nhân duyên*”. Kinh Vô Lượng Thọ đã nói: Đây là do thiện căn của chính mình từ đời quá khứ trong vô lượng kiếp đã chín muồi, [cho nên] mới có cơ hội gặp gỡ, có cơ hội nghe thấy, nghe rồi có thể sanh tâm hoan hỷ. Đây là thiện căn, phước đức, nhân duyên từ vô lượng kiếp đến nay, quyết định chẳng phải là ngẫu nhiên! Chỉ cần chúng ta trong một đời này có thể buông duyên thế gian xuống. Đối với lòng tham ái hoặc sân khuê tương ứng với hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất trong thế gian này: Hễ ưa thích bèn tham ái, chẳng ưa thích bèn sân khuê; hễ có thể buông xuống những thứ ấy, sẽ quyết định vãng sanh trong một đời này, những thứ chướng ngại vãng sanh bèn chẳng còn nữa. Phải hiểu những thứ ấy sẽ gây chướng ngại vãng sanh, phải dẹp trừ chúng từ tâm địa, chứ chẳng liên can gì đến sự tướng, trong tâm quyết định chẳng nên có [những thứ ấy].

(Sao) Hoa Nghiêm đệ lục Hồi Hương vân.

(鈔)華嚴第六回向云。

(Sao: Chương Đệ Lục Hồi Hương trong kinh Hoa Nghiêm có nói).

Phẩm kinh nói về địa vị Hồi Hương thứ sáu² trong kinh Hoa Nghiêm.

(Sao) Phục u Phật sở, đắc văn Phật danh, chuyển cánh trị ngộ vô số chư Phật, tức văn thử kinh, hựu văn chư Phật danh chi ý dã.

(Diễn) Đáp Di Đà công đức hạ hữu nhị nghĩa, tiền nghĩa nãi quyển đa quy nhất, hậu nghĩa nãi triển nhất vi đa. Tuy hữu nhị nghĩa, thật nhất đa tương tức, triển quyển vô ngại, dĩ chư Phật đồng nhất Pháp Thân cố.

(鈔)復於佛所，得聞佛名，轉更值遇無數諸佛，即聞此經，又聞諸佛名之意也。

(演)答彌陀功德下有二義。前義乃卷多歸一。後義乃展一為多。雖有二義。實一多相即。展卷無礙。以諸佛同一法身故。

(Sao: “Lại ở chỗ Phật được nghe danh hiệu Phật, lần lượt gặp gỡ vô số chư Phật”. Đây chính là ý nghĩa “nghe kinh này, lại nghe danh hiệu chư Phật” trong kinh này vậy.

Diễn: Đáp: Công đức của Phật Di Đà có hai nghĩa: Nghĩa trước là thâm nhiều về một, nghĩa sau là mở rộng một thành nhiều. Tuy có hai nghĩa, thật ra một chính là nhiều, nhiều chính là một. Mở rộng hay rút gọn vô ngại, vì chư Phật có cùng một Pháp Thân).

² Đây là phẩm vị thứ sáu trong phần Thập Hồi Hương. Trong kinh Bát Thập Hoa Nghiêm, phẩm thứ hai mươi lăm là phẩm Thập Hồi Hương (kéo dài từ quyển 23 đến quyển 33). Pháp hội này được giảng trong cung trời Đâu Suất. Trong pháp hội ấy, Kim Cang Tràng Bồ Tát nương vào oai thần của Tỳ Lô Giá Na Phật (Pháp Thân Phật) và mười phương chư Phật, nói ra mười phẩm vị Hồi Hương là: 1) Cứu hộ nhất thiết chúng sanh ly chúng sanh tướng hồi hướng, 2) Bất hoại hồi hướng, 3) Đẳng nhất thiết chư Phật hồi hướng, 4) Chí nhất thiết xứ hồi hướng, 5) Vô tận công đức tạng hồi hướng, 6) Nhập nhất thiết bình đẳng thiện căn hồi hướng, 7) Đẳng tùy thuận nhất thiết chúng sanh hồi hướng, 8) Chân Như tướng hồi hướng, 9) Vô phược vô trước giải thoát hồi hướng, 10) Nhập pháp giới vô lượng hồi hướng. Phần kinh văn trích dẫn trên đây xuất phát từ địa vị Hồi Hương thứ sáu (Nhập nhất thiết bình đẳng thiện căn hồi hướng).

Hiện thời, chúng ta là phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, đức Phật đã vì chúng ta đề cao, giới thiệu, nhưng Ngài chỉ có thể chỉ dạy đơn giản đề cương yếu lĩnh, chẳng thể nói cặn kẽ. Chỉ bày cặn kẽ, chúng ta sẽ không thể tiếp nhận nổi! Đối với mười phương hằng sa thế giới vô lượng vô biên chư Phật, nếu đức Phật nói những danh hiệu ấy, nói từng câu tiếp nối nhau, nói đến một vạn năm cũng chẳng nói xong, làm sao chúng ta có thể tiếp nhận cho được? Chúng ta cũng chẳng có thọ mạng dài như vậy. Vì thế, đối với vô lượng Phật trong mỗi phương, chỉ nêu ra năm hoặc sáu vị Phật, nhiều nhất là chỉ giới thiệu mười vị Phật thì chúng ta có thể tiếp nhận. Nhiều hơn nữa, sẽ chẳng thể tiếp nhận được. Nếu chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, là hạ hạ phẩm vãng sanh, là phẩm vị thấp nhất. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, chư vị phải biết: Nghiệp chướng của chúng ta tiêu trừ. Vì sao nghiệp chướng tiêu trừ?

Tâm chúng ta thanh tịnh, đó là nhân tố thứ nhất. Vì hiện thời chúng ta chuyên tín, chuyên nguyện, chỉ nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ nguyện đọc kinh Di Đà, những kinh khác ta đều chẳng để trong lòng, đều buông xuống, “*chuyên*” mà! Chẳng chuyên sẽ không được, nhất định phải chuyên. Chuyên tín, chuyên nguyện, chuyên niệm A Di Đà Phật. Hễ chuyên thì tâm liền thanh tịnh, tâm thanh tịnh có thể diệt tội nghiệp. Tội nghiệp là gì? Tội nghiệp là vọng niệm, là suy nghĩ loạn xạ, là tham, sân, si, mạn, những thứ ấy là tội nghiệp. Hễ chuyên, những thứ ấy đều chẳng có. Dầu có, cũng rất nhẹ nhàng, chẳng nghiêm trọng như trước kia. Vì thế, tâm thanh tịnh là tịnh niệm.

Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: “*Tịnh niệm tiếp nối*”, tịnh niệm bèn tiêu nghiệp. Nay chúng ta đạt được “*tịnh niệm tiếp nối*” thì hiện thời Phật quang chiếu đến chúng ta, chẳng phải là chờ đến khi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà là ngay trong hiện thời, Phật quang chiếu soi, Phật quang tưới gội quý vị. Hễ Phật quang chiếu tới, sẽ giúp chúng ta tiêu nghiệp. Chư vị phải hiểu: Bản thân chúng ta ắt phải có năng lực tiêu trừ [tội nghiệp], Phật quang mới gia trì được. Bản thân chúng ta chẳng có năng lực, cứ suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, Phật quang tuy chiếu, vô dụng! Tâm tư tạp loạn là chướng ngại, ngăn chướng Phật quang, quý vị chẳng thể thọ dụng. Tâm thanh tịnh bèn chẳng có chướng ngại; Phật quang chiếu tới, chúng ta sẽ trực tiếp cảm nhận được. Quang minh của Phật giúp chúng ta tiêu nghiệp chướng, khai trí huệ, chẳng đợi tới vãng sanh, mà đạt được ngay trong hiện thời! Do vậy có thể biết: Tịnh niệm quan trọng lắm! Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát dạy chúng ta niệm Phật, Ngài bảo: “*Đừng hoài nghi, đừng xen tạp, đừng gián đoạn*”. Chẳng

hoài nghi, không xen tạp là “tịnh niệm”; chẳng gián đoạn là “tiếp nối”. Ba câu gồm chín chữ ấy nhằm giải thích lời dạy “*tịnh niệm tiếp nối*” của Đại Thế Chí Bồ Tát. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy A Di Đà Phật, trực tiếp đắm mình trong Phật quang, trí huệ rộng mở. Do vậy, danh hiệu của mười phương vô lượng vô biên chư Phật thấy đều hiện tiền.

Trong kinh, đức Phật nói cho chúng ta biết trạng huống cuộc sống trong thế giới Tây Phương. Người thế gian chúng ta, thuở trẻ đi học, học hành khá vất vả, [đến khi] bước chân vào xã hội làm việc, càng vất vả hơn! Trong tương lai, kết hôn, sanh con, có gia đình càng khổ! Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới hằng ngày nghe kinh, niệm Phật, tham Thiền, kinh hành, hoặc là những người chí đồng đạo hợp cùng nhau nghiên cứu, thảo luận, hoặc là đến các thế giới ở phương khác tham phỏng, cúng dường chư Phật, nghe kinh, nghe pháp. Gặp kẻ hữu duyên, bèn giúp Phật tiếp dẫn chúng sanh, họ làm những chuyện ấy, đúng là tiêu dao tự tại! Thần tiên cũng chẳng sánh bằng họ. Thần tiên tuy tự tại, không gian hoạt động hữu hạn, chẳng thể vượt thoát lục đạo. Đại thiên thế giới này là phạm vi hoạt động của họ; vượt ra ngoài đại thiên thế giới, họ sẽ chẳng đạt đến.

Đối với người hạ hạ phẩm vãng sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, không gian hoạt động của họ là tận hư không khắp pháp giới. Vì thế, thần tiên hay chư thiên cũng đều chẳng sánh bằng họ. Họ thấy một vị Phật chính là thấy hết thấy chư Phật, nghe danh hiệu một vị Phật, hiện thời nghe danh hiệu là nghe danh hiệu của một mình A Di Đà Phật, [mai sau] sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, danh hiệu của mười phương ba đời hết thấy chư Phật thấy đều hiện tiền. Vì thế, họ thấy đều nghe thấy. “*Văn chư Phật danh*” (Nghe danh hiệu chư Phật) là [nghe] chẳng sót [danh hiệu của] một vị Phật nào. Đây chính là nghĩa lý được nói trong kinh Hoa Nghiêm và kinh này.

(Sớ) Đại Bản vân: “Đa hữu Bồ Tát, dục văn thử kinh, nhi bất đắc văn”.

(疏)大本云：多有菩薩，欲聞此經，而不得聞。

(Sớ) Kinh Đại Bản nói: “Có nhiều vị Bồ Tát muốn nghe kinh này mà chẳng được nghe”.

Đoạn này trích từ kinh Vô Lượng Thọ. “*Đa hữu Bồ Tát*” (Có nhiều vị Bồ Tát), chẳng phải là thiếu số! Mong nghe kinh này, có sao chẳng được nghe? Đúng là có rất nhiều vị Bồ Tát chẳng biết có kinh A Di Đà, chẳng biết có kinh Vô Lượng Thọ. Họ làm sao có thể mong tưởng kinh

này cho được? Họ nghĩ tốt nhất là có một pháp môn dạy chúng ta thành tựu trong một đời, mong muốn pháp môn ấy, trọn chẳng biết pháp môn ấy chính là bộ kinh này. Do vậy, nghe kinh phải có duyên phận, phải có phước báo. Người chẳng có phước báo, sẽ chẳng thể nghe! Người chẳng có duyên phận, sẽ chẳng thể tiếp xúc, trọn chẳng phải là chuyện dễ dàng. Có bao nhiêu đồng tu học Phật tại thành phố Đài Bắc của Đài Loan? Mấy ai nghe bộ kinh này? Dẫu khóa tôi mỗi ngày đều niệm kinh A Di Đà, [thế mà] họ chẳng hiểu ý nghĩa, tín tâm chẳng kiên lập, chẳng có nguyện tâm. [Vậy thì] cũng như chẳng niệm. Có thể thấy chuyện này đúng là khó khăn!

Có hai hạng người được thọ dụng thật sự:

1) Một là người thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật, hạ quyết tâm chọn lựa pháp môn này.

2) Loại người kia tuy chẳng hiểu rõ lý luận và chân tướng sự thật, nhưng thiện căn và phước đức của người ấy hết sức sâu dày, nghe pháp môn này, tiếp xúc pháp môn này, liền nắm thật chặt, khăng khăng một mực, suốt cả một đời cũng chẳng thay đổi. Niệm câu Phật hiệu tới cùng bền vững sanh.

Hai loại người ấy là bậc đương cơ của pháp môn này. Những người khác, tín tâm như sương buổi sớm, giống như bèo trôi chẳng có rễ, chỉ có thể gieo một chút thiện căn trong Tịnh Tông mà thôi, chẳng thể thành tựu trong một đời này, do chao đảo, bất định đáy mà! Năm trước, chúng tôi mở Phật Thất tại Dallas, nước Mỹ, cũng có không ít đồng tu bên đó nghe tôi giới thiệu pháp môn Tịnh Độ. Nghe xong, hết sức hoan hỷ, tới nói với tôi: “Chúng con sẽ thật sự chuyên tâm, sẽ chuyên cầu Tịnh Độ, sẽ thật thà niệm Phật”. Sau khi chúng tôi rời khỏi Dallas nửa năm, họ có những bằng hữu học Mật, hoặc học Thiền khuyên nhủ, lôi kéo họ, họ lại đến những chỗ đó, bèn vứt bỏ, quên bẵng A Di Đà Phật. Tình hình như vậy rất nhiều. Có những người là làm Phật sự theo cảm tình: Bạn bè thân thiết lôi kéo, không đi thì ngại quá! Vừa đến đó, bèn cảm thấy nơi ấy cũng khá, tín tâm bị dao động! Tương lai sẽ như thế nào? Bên Tịnh chẳng thể thành tựu, mà bên Thiền cũng chẳng thể thành công, đáng tiếc lắm! Đây gọi là ma đến quấy nhiễu, ma lôi quý vị đi mất rồi! Chúng tôi nghĩ tới trong kinh đức Phật đã nói: Có nhiều vị Bồ Tát mong cầu một pháp môn thành tựu viên mãn trong một đời. Vì thiện căn, phước đức, nhân duyên thiếu sót, chẳng có cơ duyên gặp gỡ pháp môn này, chẳng có cơ duyên nghe nói tới pháp môn này. Do vậy, cơ hội gặp gỡ pháp môn này, nghe pháp môn này, chẳng dễ dàng đâu nhé! Cổ đức nói: “*Một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay*”. Nay chúng ta được nghe, đây chính là một ngày hiếm có,

khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay. Chẳng phải là người thật sự có thiện căn, phước đức và nhân duyên sâu dày, quý vị sẽ chẳng thể gặp! Vì thế, phải quý tiếc!

(Sớ) Hựu kinh vân: “Ninh u địa ngục đắc văn Phật danh”.

(疏) 又經云：寧於地獄得聞佛名。

(Sớ: Kinh lại nói: “Thà ở trong địa ngục mà được nghe danh hiệu Phật”).

Kinh nói điều này, nêu ra một tỷ dụ: Thà nguyện đọa địa ngục, chỉ cần có thể được nghe danh hiệu A Di Đà Phật, dầu đọa địa ngục cũng cam lòng tình nguyện. Đây mới là thấu hiểu giá trị của một câu danh hiệu này. Danh hiệu có công đức đúng là chẳng thể nghĩ bàn. Đọa địa ngục chịu khổ, chịu khổ nạn thì có lúc sẽ xong, sợ gì chứ? Nghe danh hiệu A Di Đà Phật, phát nguyện vãng sanh, sẽ được vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, chẳng còn hứng chịu nỗi khổ địa ngục. Thọ tội một lần rồi sẽ chẳng còn bị nữa!

(Sớ) Tác tri văn thử kinh, văn chư Phật danh, đại phi dị sự.

(Diễn) Bồ Tát dục văn nhi bất đắc văn giả, hoặc vấn vân: - Kim bác địa phàm phu, văn giả thậm đa, tương siêu Bồ Tát da? Đáp: - Văn kinh đại hữu sai đẳng. Phàm phu nhĩ tuy văn danh, tâm bất san thái, hoặc tâm tuy tư duy, bất dũng dục đốc hành. Thử dẫn nhĩ thỉnh ngôn thuyên, tâm bất đắc chí, như bất văn dã. Kim sở vị văn giả, nhân thuyên đắc chí. Bi hỷ giao tập, đốc tín lực hành, nãi tâm văn dã, khởi bất siêu phàm tiểu da?

(疏) 則知聞此經，聞諸佛名，大非易事。

(演) 菩薩欲聞而不得聞者。或問云。今博地凡夫。聞者甚多。將超菩薩耶。答。聞經大有差等。凡夫耳雖聞名。心不殫采。或心雖思惟。不踴躍篤行。此但耳聽言詮。心不得旨。如不聞也。今所謂聞者。因詮得旨。悲喜交集。篤信力行。乃心聞也。豈不超凡小耶。

(Sớ: Cho nên biết là nghe kinh này, nghe danh hiệu chư Phật, thật chẳng phải là chuyện dễ dàng.

Diễn: “Bồ Tát muốn nghe mà chẳng được nghe”: Có lẽ sẽ có kẻ hỏi: “Nay hạng phàm phu sát đất được nghe rất nhiều, họ sẽ vượt trội hàng Bồ Tát u?” Đáp: - Nghe kinh có sự sai biệt to lớn. Phàm phu tuy

nghe tên (tên kinh hoặc nghe danh hiệu Phật), nhưng tâm chẳng thấu hiểu. Hoặc là tuy tâm suy nghĩ, chẳng hờn hờ, dốc sức hành trì. Đây chỉ là tai nghe lời giảng giải, tâm chẳng lãnh hội ý chỉ, cũng giống như chẳng nghe vậy. Nay nói đến Nghe, [phải hiểu là] do lời giảng giải mà đạt được ý chỉ, buồn vui xen lẫn, dốc lòng tin tưởng, tận lực hành trì, đây chính là “nghe bằng cái tâm” vậy. Há chẳng phải là vượt trôi phàm phu, tiểu căn ư?)

Nói rõ: [Đây là chuyện] rất khó khăn! Nay chúng ta nghe câu Phật hiệu này dường như dễ quá! Đó là vì thiện căn, phước đức, nhân duyên trong quá khứ đã chín muồi! Nếu quý vị chẳng tin tưởng, [cứ xem] những người hàng xóm sát vách chúng ta chẳng đến [đây nghe kinh hoặc cộng tu cùng chúng ta]! Chúng tôi giảng ở đây cả mười mấy năm, họ cũng chưa hề tới một lần, quý vị mới biết là thật sự khó! Vì thế, phải biết quý trọng. Đệ tử Phật Di Đà, học trò của chư Phật, có trách nhiệm giới thiệu trọn khắp pháp môn này cùng đại chúng, họ tiếp nhận hay không là chuyện của họ. Người nào có thể tiếp nhận, chúng ta liền chúc mừng người ấy có thể thành tựu trong một đời. Người nào chẳng tiếp nhận, chúng ta chẳng có lỗi với người ấy. Chính mình gặp gỡ pháp môn tốt đẹp dường ấy mà chẳng giới thiệu cho người khác, tức là có lỗi với họ.

(Sao) Bồ Tát dục văn nhi bất đắc, tắc Nhị Thừa, phàm phu khả tri hỹ.

(鈔)菩薩欲聞而不得，則二乘凡夫可知矣。

(Sao: Bồ Tát muốn nghe mà chẳng được nghe, vậy thì Nhị Thừa và phàm phu có thể suy ra mà biết vậy).

Bồ Tát mong cầu pháp môn này đều chẳng dễ gì cầu được. Người Nhị Thừa, hàng phàm phu mong cầu pháp môn này, đương nhiên là càng khó hơn, càng chẳng dễ dàng hơn!

(Sao) Đại Bản kệ vân: “Nhược bất vãng tích tu phước huệ, ư thử chánh pháp bất năng văn, dĩ tăng khâm phụng chư Như Lai, cố hữu nhân duyên văn thử nghĩa”.

(鈔)大本偈云：若不往昔修福慧，於此正法不能聞，已曾欽奉諸如來，故有因緣聞此義。

(*Sao: Kinh Đại Bản có bài kệ: “Nếu xưa kia chẳng tu phước huệ, chẳng thể nghe đến chánh pháp này, đã từng khâm phụng chư Như Lai, nên có nhân duyên nghe nghĩa này”*).

Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đã nói rành mạch chuyện này. Nếu chẳng phải là nhiều đời, nhiều kiếp tu phước, tu huệ, quý vị sẽ chẳng có cơ hội nghe pháp môn này. Dẫu trao pháp môn này cho quý vị, quý vị nghe rồi cũng chẳng hiểu, nghe xong cũng chẳng thể sanh khởi tâm hoan hỷ, tín nguyện hoàn toàn chẳng sanh khởi. Do nguyên nhân nào? Trong đời quá khứ tu phước huệ quá ít.

“*Dĩ tăng khâm phụng chư Như Lai*” (Đã từng khâm kính, tuân phụng các đức Như Lai): Vua A Xà Thế và năm trăm vị trưởng giả trong đời quá khứ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật; nhưng cúng dường bốn trăm ức Phật, phước huệ vẫn chẳng đủ! Vì vậy, họ nghe Thích Ca Mâu Ni Phật giảng bộ kinh này, họ nghe hết sức hoan hỷ, trong tâm dấy lên ý niệm: “Trong tương lai ta thành Phật, phải giống như A Di Đà Phật”, vẫn chẳng thể phát tâm niệm Phật hồng ngay lập tức vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thân cận A Di Đà Phật. Chẳng có nguyện ấy!

Nói cách khác, cúng dường bốn trăm ức Phật, trong ba tư lương chỉ có mỗi Tín, chẳng có Nguyện, quý vị mới biết chuyện này khó lắm! Nay chư vị gặp gỡ pháp môn này, có thể tin, có thể nguyện, chúng tỏ trong đời quá khứ, quý vị đã từng cúng dường chư Phật Như Lai không chỉ là bốn trăm ức vị. Vì sao? Vì phước huệ của quý vị vượt trời vương tử A Xà Thế. Vương tử A Xà Thế chẳng phát nguyện cầu sanh, nay quý vị phát nguyện cầu sanh, phước huệ của quý vị vượt trời họ. “*Có hữu nhân duyên văn thử nghĩa*” (Cho nên có nhân duyên nghe kinh này). Quý vị mới có duyên phận này, mới có phước báo nghe bộ kinh này.

(*Sao*) *Địa ngục văn Phật giả, Hoa Nghiêm kệ vân: “Ninh thọ địa ngục khổ, đắc văn chư Phật danh, bất nguyện sanh thiên trung, nhi bất văn Phật danh”*.

(鈔)地獄聞佛者，華嚴偈云：寧受地獄苦，得聞諸佛名，不願生天中，而不聞佛名。

(*Sao: “Ở trong địa ngục được nghe nói tới Phật”*: Kinh Hoa Nghiêm có bài kệ rằng: “Thà chịu địa ngục khổ, được nghe tên chư Phật, chẳng mong sanh cõi trời, chẳng nghe danh hiệu Phật”).

Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói mấy câu như vậy.

(Sao) Cổ tri thử kinh, cập dữ Phật danh, bất dị văn dã.

(鈔)故知此經，及與佛名，不易聞也。

(Sao: Do vậy biết kinh này và danh hiệu Phật chẳng dễ nghe).

Dẫn kinh điển để làm chứng, nói rõ kinh điển và pháp môn này duyên phận khó có, thật sự chẳng dễ dàng! Chẳng phải là Đài Loan không có kiếp nạn, kiếp nạn rất nặng! Trong những năm qua, từ Nam đến Bắc có nhiều người thọ trì kinh Vô Lượng Thọ, niệm A Di Đà Phật, kiếp nạn này mới dần dần hóa giải. Những chuyện này đều là sự thật, hy vọng chúng ta càng nỗ lực, càng nghiêm túc tu học, tận tâm tận lực đề xướng rộng rãi, giới thiệu phổ biến kinh điển và pháp môn này với đại chúng, mọi người đều chiếu theo pháp môn này để tu học, nơi này chắc chắn chẳng gặp tai nạn. Vì sao? Kinh đã nói rất rõ ràng: “*Được hết thấy chư Phật hộ niệm*”. Tôi niệm kinh này được chư Phật hộ niệm, quý vị niệm kinh này cũng được chư Phật hộ niệm. Toàn bộ đồng bào Đài Loan đều niệm kinh này, ai nấy đều được chư Phật hộ niệm, hết thấy tai nạn đều chẳng có. Chúng ta ắt phải biết điều này; đây mới là nhân tố bậc nhất để tiêu tai miễn nạn, bảo đảm an toàn cho bản thân, gia đình và xã hội của chúng ta. Hai câu cuối cùng là lời tổng kết.

(Sao) Kim đắc văn chi, khả phát tín thọ.

(鈔)今得聞之，可弗信受。

(Sao: Nay đã được nghe, há nên chẳng tin nhận ư?)

Nay chúng ta có thể nghe, cơ duyên ấy thật sự hết sức khó khăn. Sau khi nghe xong, có lẽ nào chẳng tin tưởng? Có thể nào chẳng tiếp nhận? Hôm nay chúng tôi nói tới chỗ này!